



tǐ xíng
体型

noun · body shape; physique

Example Sentences

tā de tǐ xíng hěn shì hé yóu yǒng
他的体型很适合游泳。

His physique is very suitable for swimming.

jiān chí duàn liàn kě yǐ gǎi shàn tǐ xíng
坚持锻炼可以改善体型。

Consistent exercise can improve your body shape.

Trace each character, then write the word on your own.

体	体	体	体	体	体	体	体	体	体	体
型	型	型	型	型	型	型	型	型	型	型
型										